**Phụ lục I. BIỂU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC QUY ĐỊNH CHI TIẾT TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

*(Ban hành kèm theo Báo cáo số: /BC-SNNMT ngày /8/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)*

**Tên dự thảo Nghị quyết: *“Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về nội dung hỗ trợ; mức hỗ trợ; mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang”.***

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 1:** **Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cấp tỉnh.**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. CĂN CỨ PHÁP LÝ** | Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 40 của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22 Điều 1 của Nghị định số 38/2023/NĐ-CP, quy định về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định: *“Nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị; mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp quy định tại Điều 21; nội dung hỗ trợ, trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất theo quy định tại Điều 22 Nghị định này"*. |
| **II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | |
| **1. Tên thủ tục hành chính:** Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt *(đối với các dự án, kế hoạch liên kết có hoạt động sản xuất trong phạm vi từ 02 xã, phường trở lên)* | |
| Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | Có ⌧    Không □  Nêu rõ lý do : Quy định tại Điều 5 dự thảo Nghị quyết*.* |
| **2. Trình tự thực hiện** | |
| a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không? | Có ⌧     Không □  Nêu rõ lý do:  Quy định tại Điều 5 dự thảo Nghị quyết (quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP) |
| b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? | Có ⌧     Không □  Nêu rõ lý do: Đáp ứng điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP |
| c) Có áp dụng cơ chế liên thông không? | Có ⌧     Không 🞏  Nêu rõ lý do: Vì thủ tục hành chính được giao cho 02 cơ quan chủ trì giải quyết đối với dự án cấp tỉnh (*cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Sở Dân tộc và Tôn giáo)*, tham mưu cho Hội đồng thẩm định tiến hành thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt). |
| d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không? | Có 🞏   Không ⌧  Nếu Có, nêu rõ nội dung quy định: …………………………………  Lý do quy định:  Nhận đúng, đủ thủ tục hành chính theo thành phần hồ sơ đã quy định.  - Các biện pháp có thể thay thế: Có 🞏     Không ⌧  Nếu Có, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: ………………………. |
| **3. Cách thức thực hiện** | |
| a) Nộp hồ sơ:  Trực tiếp ⌧; Bưu chính ⌧; Điện tử ⌧  b) Nhận kết quả:  Trực tiếp ⌧; Bưu chính ⌧; Điện tử ⌧ | - Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có ⌧    Không □ Nêu rõ lý do: Quy định tại Nghị định 118/2025/NĐ-CP: Quy định về tổ chức Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã. - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có ⌧     Không □  Nêu rõ lý do: tổ chức cá nhân không mất phí, lệ phí, chỉ phát sinh chi phí gửi hồ sơ (bao gồm chi phí đi lại của tổ chức, cá nhân; chi phí tem bưu điện (nếu gửi qua đường bưu điện). |
| **4. Thành phần, số lượng hồ sơ** | |
| a) Tên thành phần hồ sơ 1: Đơn đề nghị về việc hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị | - Nêu rõ lý do quy định: Đơn vị chủ trì liên kết nộp đơn để đăng ký lựa chọn thực hiện.  - Yêu cầu về hình thức: Theo mẫu đơn quy định tại Phụ lục I dự thảo Nghị quyết.  Lý do quy định: Đảm bảo đúng đối tượng được hỗ trợ |
| b) Tên thành phần hồ sơ 2: Thuyết minh dự án, kế hoạch liên kết | - Nêu rõ lý do quy định: Đơn vị chủ trì liên kết xây dựng thuyết minh dự án, xác định quy mô và địa bàn thực hiện.  - Yêu cầu về hình thức: Theo mẫu quy định tại Phụ lục I dự thảo Nghị quyết  Lý do quy định: Đảm bảo nội dung thuyết minh chi tiết, rõ ràng, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế, xã hội của địa phương; có tính khả thi. |
| c) Tên thành phần hồ sơ 3: Bản thỏa thuận về việc cử đơn vị làm chủ trì liên kết. | - Nêu rõ lý do quy định: Đơn vị làm chủ trì liên kết phải có hợp đồng hoặc biên bản hợp tác với người dân thuộc đối tượng đầu tư, để đảm bảo năng lực của đơn vị chủ trì liên kết.  - Yêu cầu về hình thức: Theo mẫu tại Phụ lục I dự thảo Nghị quyết  Lý do quy định: Đảm bảo tính pháp lý theo tại khoản 2 Điều 21 Nghị định 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định 38/2023/NĐ-CP. |
| d) Tên thành phần hồ sơ 4: Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký HTX/Quyết định thành lập đơn vị; Văn bản chứng minh năng lực của đơn vị chủ trì liên kết; Bản sao chứng nhận/Cam kết về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ | - Nêu rõ lý do quy định: Các giấy tờ chứng minh năng lực của đơn vị chủ trì liên kết để đảm bảo tính khả thi của chuỗi liên kết.  - Yêu cầu về hình thức: Các bản sao chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý do cơ quan có thẩm quyền cấp.  Lý do quy định: Đảm bảo sự cam kết khi thực hiện dự án, kế hoạch liên kết. |
| đ) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không? | Có ⌧     Không □  Nêu rõ: Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 21 của Nghị định 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 của Nghị định số 38/2023/NĐ-CP. |
| e) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ | Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên): ………………………………… |
| **5. Thời hạn giải quyết** | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | - Có ⌧     Không □  - Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Trong 10 ngày làm việc.  Lý do quy định: Cơ quan soạn thảo đã tính toán thời gian từ lúc tiếp nhận đầy đủ hồ sơ đến khi thẩm định và phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết. |
| b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan? | Có □     Không ⌧  Lý do quy định: …………………………………… |
| **6. Đối tượng thực hiện** | |
| a) Đối tượng thực hiện: | - Tổ chức: Trong nước ⌧     Nước ngoài □  Mô tả rõ: Doanh nghiệp, HTX, Liên hiệp HTX.  Lý do quy định: Quy định tại Điều 2 Nghị định 27/2022/NĐ-CP.  - Cá nhân: Trong nước ⌧       Nước ngoài □  Mô tả rõ: Cá nhân, hộ gia đình  Lý do quy định: Quy định tại Điều 2 Nghị định 27/2022/NĐ-CP.  - Có thể mở rộng/thu hẹp đối tượng thực hiện không?  Có □     Không ⌧  Nêu rõ lý do: ……………………. |
| b) Phạm vi áp dụng: | - Toàn quốc □    Vùng □     Địa phương ⌧  - Nông thôn □    Đô thị □     Miền núi □  - Biên giới, hải đảo □  - Lý do quy định: quy định tại Điều 40 Nghị định 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.  - Có thể mở rộng/thu hẹp phạm vi áp dụng không?  Có □     Không ⌧  Nêu rõ lý do: ……………………………………….. |
| Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 50 dự án. | |
| **7. Cơ quan giải quyết** | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không? | Có ⌧    Không □  - Lý do quy định: thực hiện quy định tại Điều 40 Nghị định 27/2022/NĐ-CP, được sửa đổi bổ sung tại khoản 22 Điều 1 Nghị định 38/2023/NĐ-CP. |
| b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không? | Có ⌧    Không □  Nêu rõ lý do: Phân định thẩm quyền giải quyết giữa cấp tỉnh và cấp xã tránh chồng chéo, trúng lặp khi giải quyết nhiệm vụ. |
| **8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)** | |
| a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không? | - Lệ phí: Không ⌧      Có □  Nếu có, nêu rõ lý do: ………………………  - Phí: Không ⌧      Có □. Nếu Có nêu rõ lý do: ……………………….  - Chi phí khác: Không ⌧      Có □. Nếu Có, nêu rõ lý do: ………………………  - Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu được quy định tại dự án, dự thảo):  + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): …….  + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): ….  + Mức chi phí khác: ……………………  + Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có □     Không ⌧  Lý do: ……………………………………  - Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự thảo thì nêu rõ lý do: ………… |
| b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không? | Có □     Không ⌧  Nội dung quy định:  ………………………………  Lý do quy định:  …………………………… |
| **9. Mẫu đơn, tờ khai** | |
| a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không? | Có ⌧     Không 🞏.  - Lý do: Quy định tại khoản 1 Điều 5 dự thảo Nghị quyết về thành phần và mẫu hồ sơ *(phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 21 Nghị định 27/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.* |
| c) Tên mẫu đơn, tờ khai: Đơn đề nghị về việc hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị | - Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:  + Nội dung thông tin 1: Thông tin chung  Lý do quy định: Biết được các thông tin về loại sản phẩm, dịch vụ; Địa bàn thực hiện; Quy mô, dự án, kế hoạch; Thời gian dự kiến thực hiện.  + Nội dung thông tin: Đề nghị hỗ trợ của nhà nước  Lý do quy định: Nêu được nội dung và kinh phí đề nghị hỗ trợ; Chi tiết số vốn theo năm đề nghị hỗ trợ.  + Nội dung thông tin: Cam kết, tài liệu đính kèm  Lý do quy định: Chủ trì liên kết cam kết chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của nhưng thông tin cung cấp trong Đơn.  - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có □     Không ⌧  Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: ………  Lý do quy định:  ………………………………… |
| d) Ngôn ngữ | - Tiếng Việt ⌧     Song ngữ □     Nêu rõ loại song ngữ:  ………  Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ): ……………………… |
| **10. Yêu cầu, điều kiện** | |
| Có quy định yêu cầu, điều kiện không? | Có □     Không ⌧. Lý do quy định:  ……………………………….. |
| a) Yêu cầu, điều kiện 1:…………… | - Lý do quy định:  ……………………………  - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:  + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có □     Không □  Nếu Có, đề nghị nêu rõ:  ………………  + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước:  Có □     Không □  + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):  …………… |
| b) Yêu cầu, điều kiện: ……………… | - Lý do quy định:  ………………………………  - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:  + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có □     Không □  Nếu Có, đề nghị nêu rõ:  ……………………  + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có □ Không □  + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):  ………… |
| **11. Kết quả thực hiện** | |
| a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì? | - Giấy phép □  - Giấy chứng nhận □  - Giấy đăng ký □  - Chứng chỉ □  - Thẻ □  - Quyết định hành chính ⌧  - Văn bản xác nhận/chấp thuận □  - Loại khác: □ Đề nghị nêu rõ:  ………………………………  Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy |
| b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không? | Có ⌧     Không □  Lý do: Quy định tại khoản 1 Điều 5 dự thảo Nghị quyết về Thành phần và mẫu hồ sơ *(phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 21 Nghị định 27/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.* |
| c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? | Có ⌧     Không □  - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Hội đồng tổ chức thẩm định, nếu hồ sơ đủ điều kiện, cơ quan chủ trì trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.  - Nếu Không, nêu rõ lý do:  ………………… |
| d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? | Toàn quốc □     Địa phương ⌧  Lý do: …………………………………………….. |
| **III. THÔNG TIN LIÊN HỆ** | |
| Họ và tên người điền: …….. | |

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 2:** **Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cấp xã.**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. CĂN CỨ PHÁP LÝ** | Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP |
| **II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | |
| **1. Tên thủ tục hành chính:** Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, phường phê duyệt *(đối với các dự án, kế hoạch liên kết có hoạt động sản xuất trong phạm vi 01 xã, phường)* | |
| Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | Có ⌧    Không □  Nêu rõ lý do: Quy định tại Điều 5 dự thảo Nghị quyết*.* |
| **2. Trình tự thực hiện** | |
| a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không? | Có ⌧     Không □  Nêu rõ lý do:  Quy định tại Điều 5 dự thảo Nghị quyết về thành phần hồ sơ |
| b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? | Có ⌧     Không □  Nêu rõ lý do: Đáp ứng điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP |
| c) Có áp dụng cơ chế liên thông không? | Có □     Không ⌧  Nêu rõ lý do: Vì thủ tục hành chính được giao UBND cấp xã thẩm định và phê duyệt. |
| d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không? | Có □   Không ⌧  Nếu Có, nêu rõ nội dung quy định: …………………………  Lý do quy định:  Nhận đúng, đủ thủ tục hành chính theo thành phần hồ sơ đã quy định.  - Các biện pháp có thể thay thế: Có □     Không ⌧  Nếu Có, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: ……………… |
| **3. Cách thức thực hiện** | |
| a) Nộp hồ sơ:  Trực tiếp ⌧; Bưu chính ⌧; Điện tử ⌧  b) Nhận kết quả:  Trực tiếp ⌧; Bưu chính ⌧; Điện tử ⌧ | - Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có ⌧    Không □  Nêu rõ lý do: Quy định tại Nghị định 118/2025/NĐ-CP: Quy định về tổ chức Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã.  - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có ⌧     Không □  Nêu rõ lý do:  tổ chức cá nhân không mất phí, lệ phí, chỉ phát sinh chi phí gửi hồ sơ (bao gồm chi phí đi lại của tổ chức, cá nhân; chi phí tem bưu điện (nếu gửi qua đường bưu điện). |
| **4. Thành phần, số lượng hồ sơ** | |
| a) Tên thành phần hồ sơ 1: Đơn đề nghị về việc hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị | - Nêu rõ lý do quy định: Đơn vị chủ trì liên kết nộp đơn để đăng ký lựa chọn thực hiện.  - Yêu cầu về hình thức: Theo mẫu đơn quy định tại Phụ lục I dự thảo Nghị quyết.  Lý do quy định: Đảm bảo đúng đối tượng được hỗ trợ |
| b) Tên thành phần hồ sơ 2: Thuyết minh dự án, kế hoạch liên kết | - Nêu rõ lý do quy định: Đơn vị chủ trì liên kết xây dựng thuyết minh dự án, xác định quy mô và địa bàn thực hiện.  - Yêu cầu về hình thức: Theo mẫu quy định tại Phụ lục I dự thảo Nghị quyết  Lý do quy định: Đảm bảo nội dung thuyết minh chi tiết, rõ ràng, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế, xã hội của địa phương; có tính khả thi. |
| c) Tên thành phần hồ sơ 3: Bản thỏa thuận về việc cử đơn vị làm chủ trì liên kết. | - Nêu rõ lý do quy định: Đơn vị làm chủ trì liên kết phải có hợp đồng hoặc biên bản hợp tác với người dân thuộc đối tượng đầu tư, để đảm bảo năng lực của đơn vị chủ trì liên kết.  - Yêu cầu về hình thức: Theo mẫu tại Phụ lục I dự thảo Nghị quyết  Lý do quy định: Đảm bảo tính pháp lý theo tại khoản 2 Điều 21 Nghị định 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định 38/2023/NĐ-CP. |
| d) Tên thành phần hồ sơ 4: Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký HTX/Quyết định thành lập đơn vị; Văn bản chứng minh năng lực của đơn vị chủ trì liên kết; Bản sao chứng nhận/Cam kết về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ | - Nêu rõ lý do quy định: Các giấy tờ chứng minh năng lực của đơn vị chủ trì liên kết để đảm bảo tính khả thi của chuỗi liên kết.  - Yêu cầu về hình thức: Các bản sao chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý do cơ quan có thẩm quyền cấp.  Lý do quy định: Đảm bảo sự cam kết khi thực hiện dự án, kế hoạch liên kết. |
| đ) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không? | Có ⌧     Không □  Nêu rõ: Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 21 Nghị định 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP. |
| e) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ | Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên): ………………………………… |
| **5. Thời hạn giải quyết** | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | - Có ⌧     Không □  - Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Trong 10 ngày làm việc.  Lý do quy định: Cơ quan soạn thảo đã tính toán thời gian từ lúc tiếp nhận đầu đủ hồ sơ đến khi thẩm định và phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết. |
| b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan? | Có □     Không ⌧  Lý do quy định: …………………………………… |
| **6. Đối tượng thực hiện** | |
| a) Đối tượng thực hiện: | - Tổ chức: Trong nước ⌧     Nước ngoài □  Mô tả rõ: Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã.  Lý do quy định: Thực hiện theo Điều 2 Nghị định 27/2022/NĐ-CP.  - Cá nhân: Trong nước ⌧      Nước ngoài □  Mô tả rõ: Cá thể, hộ gia đình.  Lý do quy định: ……………………………  - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?  Có □     Không ⌧  Nêu rõ lý do: ……………………………………………. |
| b) Phạm vi áp dụng: | Toàn quốc □    Vùng □     Địa phương ⌧  - Nông thôn □    Đô thị □     Miền núi □  - Biên giới, hải đảo □  - Lý do quy định: quy định tại Điều 40 Nghị định 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.  - Có thể mở rộng/thu hẹp phạm vi áp dụng không?  Có □     Không ⌧  Nêu rõ lý do: ………………………………………... |
| Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: Khoảng 20 dự án/xã. | |
| **7. Cơ quan giải quyết** | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không? | Có ⌧    Không □  - Lý do quy định: thực hiện quy định tại Điều 40 Nghị định 27/2022/NĐ-CP, được sửa đổi bổ sung tại khoản 22 Điều 1 Nghị định 38/2023/NĐ-CP. |
| b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không? | Có ⌧    Không □  Nêu rõ lý do: Phân định thẩm quyền giải quyết giữa cấp tỉnh và cấp xã tránh chồng chéo, trúng lặp khi giải quyết nhiệm vụ. |
| **8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)** | |
| a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không? | - Lệ phí: Không ⌧      Có □  Nếu có, nêu rõ lý do: ………………………  - Phí: Không ⌧      Có □. Nếu Có nêu rõ lý do: ……………………….  - Chi phí khác: Không ⌧      Có □. Nếu Có, nêu rõ lý do: ………………………  - Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu được quy định tại dự án, dự thảo):  + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): …….  + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): ….  + Mức chi phí khác: ……………………  + Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có □     Không ⌧  Lý do: ……………………………………  - Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do: ………… |
| b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không? | Có □     Không ⌧  Nội dung quy định:  ………………………………  Lý do quy định:  …………………………… |
| **9. Mẫu đơn, tờ khai** | |
| a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không? | Có ⌧     Không 🞏.  - Lý do: Quy định tại khoản 1 Điều 7 dự thảo Nghị quyết về thành phần và mẫu hồ sơ *(phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 21 Nghị định 27/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.* |
| c) Tên mẫu đơn, tờ khai: Đơn đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết chuỗi giá trị | - Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:  + Nội dung thông tin 1: Thông tin chung  Lý do quy định: Biết được các thông tin về loại sản phẩm, dịch vụ; Địa bàn thực hiện; Quy mô, dự án, kế hoạch; Thời gian dự kiến thực hiện.  + Nội dung thông tin: Đề nghị hỗ trợ của nhà nước  Lý do quy định: Nêu được nội dung và kinh phí đề nghị hỗ trợ; Chi tiết số vốn theo năm đề nghị hỗ trợ.  + Nội dung thông tin: Cam kết, tài liệu đính kèm  Lý do quy định: Chủ trì liên kết cam kết chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của nhưng thông tin cung cấp trong Đơn.  - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có □     Không ⌧  Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: ………  Lý do quy định:  ………………………………… |
| d) Ngôn ngữ | - Tiếng Việt ⌧     Song ngữ □     Nêu rõ loại song ngữ:  ………  Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ): ……………………… |
| **10. Yêu cầu, điều kiện** | |
| Có quy định yêu cầu, điều kiện không? | Có □     Không ⌧. Lý do quy định:  ……………………………….. |
| a) Yêu cầu, điều kiện 1:…………… | - Lý do quy định:  ……………………………  - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:  + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có □     Không □  Nếu Có, đề nghị nêu rõ:  ………………  + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước:  Có □     Không □  + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):  …………… |
| b) Yêu cầu, điều kiện: ……………… | - Lý do quy định:  ………………………………  - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:  + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có □     Không □  Nếu Có, đề nghị nêu rõ:  ……………………  + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có □ Không □  + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):  ………… |
| **11. Kết quả thực hiện** | |
| a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì? | - Giấy phép □  - Giấy chứng nhận □  - Giấy đăng ký □  - Chứng chỉ □  - Thẻ □  - Quyết định hành chính ⌧  - Văn bản xác nhận/chấp thuận □  - Loại khác: □ Đề nghị nêu rõ:  ………………………………  Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy |
| b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không? | Có ⌧    Không □  Lý do: …………………………………….. |
| c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? | Có ⌧    Không □  - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: …………………. tháng/ năm.  - Nếu Không, nêu rõ lý do:  ………………… |
| d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? | Toàn quốc □     Địa phương ⌧  Lý do: …………………………………………….. |
| **III. THÔNG TIN LIÊN HỆ** | |
| Họ và tên người điền: …….. | |

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 3:** **Thành phần, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng.**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. CĂN CỨ PHÁP LÝ** | Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP của Chính phủ, quy định về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định: *“Nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị; mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp quy định tại Điều 21; nội dung hỗ trợ, trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất theo quy định tại Điều 22 Nghị định này"*. |
| **II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | |
| **1. Tên thủ tục hành chính:** Trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng | |
| Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | Có ⌧     Không □  Nêu rõ lý do: Quy định tại Điều 9 dự thảo Nghị quyết về thành phần hồ sơ. |
| **2. Trình tự thực hiện** | |
| a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không? | Có ⌧     Không □  Nêu rõ lý do:  ………………………… |
| b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? | Có ⌧     Không □  Nêu rõ lý do: Đáp ứng điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP. |
| c) Có áp dụng cơ chế liên thông không? | Có □     Không ⌧  Nêu rõ lý do: Vì thủ tục hành chính được giao cho 01 cơ quan chủ trì giải quyết. |
| d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không? | Có □     Không ⌧  Nếu Có, nêu rõ nội dung quy định: ………………………………..  Lý do quy định:  ………………………...  - Các biện pháp có thể thay thế: Có □     Không ⌧  Nếu có, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: ……………………………… |
| **3. Cách thức thực hiện** | |
| a) Nộp hồ sơ:  Trực tiếp ⌧; Bưu chính ⌧; Điện tử ⌧  b) Nhận kết quả:  Trực tiếp ⌧; Bưu chính ⌧; Điện tử ⌧ | - Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có ⌧    Không □  Nêu rõ lý do: Quy định tại Nghị định 118/2025/NĐ-CP: Quy định về tổ chức Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã.  - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có ⌧     Không □  Nêu rõ lý do:  ……………………………………… |
| **4. Thành phần, số lượng hồ sơ** | |
| a) Tên thành phần hồ sơ 1: Đơn đề nghị | - Nêu rõ lý do quy định: Xác định về nhu cầu hỗ trợ của đối tượng tham gia  - Yêu cầu về hình thức: theo mẫu Đơn quy định tại Phụ lục II dự thảo Nghị quyết.  Lý do quy định: Đảm bảo đúng đối tượng được hỗ trợ |
| b) Tên thành phần hồ sơ 2: Biên bản họp dân | - Nêu rõ lý do quy định: Thống nhất mục tiêu dự án, phương án và xác định danh sách đối tượng tham gia dự án, phương án; Bầu tổ trưởng nhóm cộng đồng.  - Yêu cầu về hình thức: theo mẫu quy định tại Phụ lục II dự thảo Nghị quyết  Lý do quy định: Đảm bảo khách quan, công khai, minh bạch, dân chủ. |
| c) Tên thành phần hồ sơ 3: Kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm | - Nêu rõ lý do quy định: Hoạt động thực hiện cụ thể nhằm đáp ứng mục tiêu dự án/ phương án của cộng đồng.  - Yêu cầu về hình thức: theo mẫu Đơn quy định tại Phụ lục II dự thảo Nghị quyết  Lý do quy định: Đảm bảo tính chính xác nội dung thuyết minh trong dự án, phương án. |
| d) Tên thành phần hồ sơ 4: Dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng | - Nêu rõ lý do quy định: Thuyết minh các nội dung đề nghị được hỗ trợ.  - Yêu cầu về hình thức: theo mẫu Đơn quy định tại Phụ lục II dự thảo Nghị quyết  Lý do quy định: Đảm bảo tính pháp lý của dự án, phương án. |
| đ) Tên thành phần hồ sơ 5: Cam kết của hộ tham gia dự án | - Nêu rõ lý do quy định: Thể hiện trách nhiệm của đối tượng tham gia dự án, phương.  - Yêu cầu về hình thức: theo mẫu Đơn quy định tại Phụ lục II dự thảo Nghị quyết  Lý do quy định: Đảm bảo sự cam kết khi tham gia thực hiện dự án, kế hoạch liên kết và trách nhiệm đối ứng, thu hồi lại một phần vốn của nhà nước đầu tư. |
| e) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không? | Có ⌧     Không □  Nêu rõ: Đảm bảo trách nhiệm, tính hợp pháp của nhóm cộng đồng. |
| g) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ | Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên): ………………………………… |
| **5. Thời hạn giải quyết** | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | - Có ⌧     Không □  - Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Trong 10 ngày làm việc.  Lý do quy định: Cơ quan soạn thảo đã tính toán thời gian từ lúc tiếp nhận đầu đủ hồ sơ đến khi thẩm định và phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết. |
| b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan? | Có □     Không ⌧  Lý do quy định: Tùy từng nội dung thẩm định của dự án, người chủ trì quyết định thời gian hoàn thành thẩm định |
| **6. Đối tượng thực hiện** | |
| a) Đối tượng thực hiện: | - Tổ chức: Trong nước ⌧      Nước ngoài □  Mô tả rõ: Tổ, nhóm cộng đồng dân cư.  Lý do quy định: Lý do quy định: Thực hiện theo Điều 2 Nghị định 27/2022/NĐ-CP.  - Cá nhân: Trong nước □      Nước ngoài □  Mô tả rõ: …………………………………….  Lý do quy định:  ………………………………  - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?  Có □     Không ⌧  Nêu rõ lý do: ………………………………………………... |
| b) Phạm vi áp dụng: | - Toàn quốc □    Vùng □     Địa phương ⌧  - Nông thôn □    Đô thị □     Miền núi □  - Biên giới, hải đảo □  - Lý do quy định: quy định tại Điều 40 Nghị định 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.  - Có thể mở rộng/thu hẹp phạm vi áp dụng không?  Có □   Không ⌧  Nêu rõ lý do: ………………………………………………….. |
| Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: Khoảng 100 dự án, phương án. | |
| **7. Cơ quan giải quyết** | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không? | Có ⌧    Không □  - Lý do quy định: Xác định rõ về trách nhiệm của cơ quan được giao giải quyết thủ tục hành chính. |
| b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không? | Có ⌧     Không □  Nêu rõ lý do: …………………………………….. |
| **8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)** | |
| a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không? | - Lệ phí: Không ⌧      Có □  Nếu có, nêu rõ lý do: ………………………  - Phí: Không ⌧      Có □  Nếu Có nêu rõ lý do: ……………………….  - Chi phí khác: Không ⌧      Có □  Nếu Có, nêu rõ lý do: ………………………  - Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu được quy định tại dự án, dự thảo):  + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): …….  + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): ….  + Mức chi phí khác: ……………………  + Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có □     Không ⌧  Lý do: ……………………………………  - Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do: ………… |
| b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không? | Có □     Không ⌧  Nội dung quy định:  ………………………………  Lý do quy định:  …………………………… |
| **9. Mẫu đơn, tờ khai** | |
| a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không? | Có □     Không ⌧  Lý do: ………………………………………… |
| c) Tên mẫu đơn, tờ khai n:  ………………………….... | - Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:  + Nội dung thông tin 1: ………………  Lý do quy định:  …………………………………  + Nội dung thông tin n:  ………………  Lý do quy định:  …………………………………  - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có □     Không □  Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: ………  Lý do quy định:  ………………………………… |
| d) Ngôn ngữ | - Tiếng Việt □     Song ngữ □     Nêu rõ loại song ngữ:  ………  Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ): ……………………… |
| **10. Yêu cầu, điều kiện** | |
| Có quy định yêu cầu, điều kiện không? | Có □     Không ⌧  Lý do quy định:  ……………………………….. |
| a) Yêu cầu, điều kiện 1:…………… | - Lý do quy định:  ……………………………  - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:  + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có □     Không □  Nếu Có, đề nghị nêu rõ:  ………………  + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có □     Không □  + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):  ………………………... |
| b) Yêu cầu, điều kiện:…………. | - Lý do quy định:  ………………………………  - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:  + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có □     Không □  Nếu Có, đề nghị nêu rõ:  ……………………  + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có □     Không □  + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):  ………… |
| **11. Kết quả thực hiện** | |
| a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì? | - Giấy phép □  - Giấy chứng nhận □  - Giấy đăng ký □  - Chứng chỉ □  - Thẻ □  - Quyết định hành chính ⌧  - Văn bản xác nhận/chấp thuận □  - Loại khác: □ Đề nghị nêu rõ:  ………………………………  Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy |
| b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không? | Có □     Không □  Lý do: …………………………………….. |
| c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? | Có □     Không □  - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: …………………. tháng/ năm.  - Nếu Không, nêu rõ lý do:  ………………… |
| d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? | Toàn quốc □     Địa phương □  Lý do: …………………………………………….. |
| **III. THÔNG TIN LIÊN HỆ** | |
| Họ và tên người điền: ------ | |